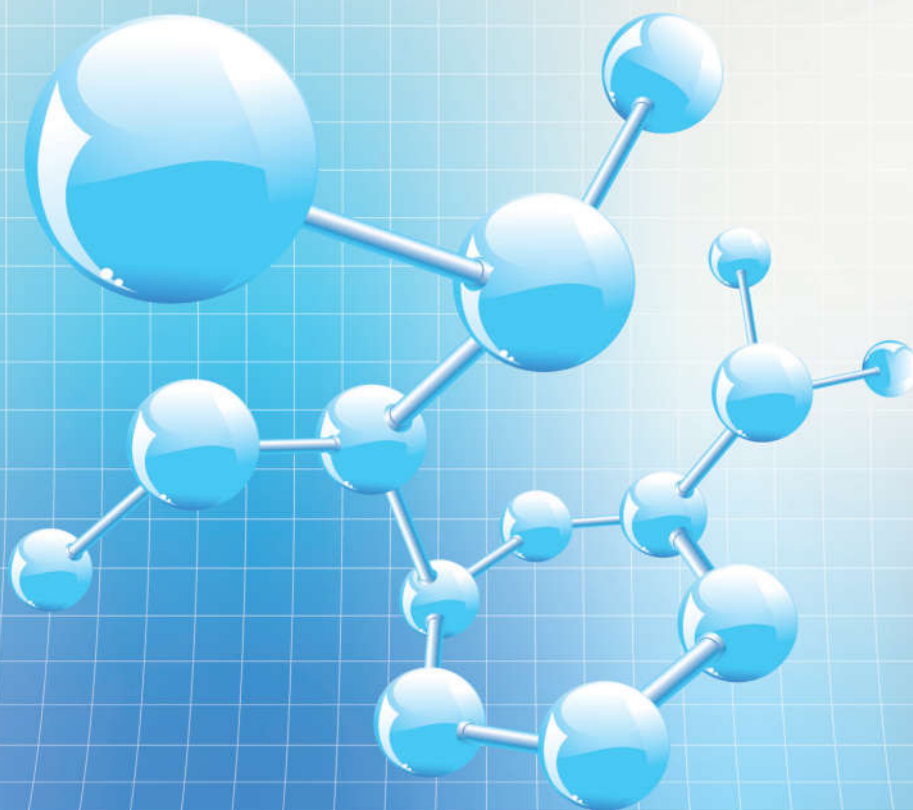




Tạp chí NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đ A I H O C S A O ĐỎ
SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 3 (86)
2024

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đình

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Khang

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|---|----|--|
| Nghiên cứu bài toán nâng cao hiệu quả năng lượng của hệ thống thông tin không dây với sự hỗ trợ bề mặt phản xạ thông minh | 5 | Nguyễn Đỗ Dũng
Đào Minh Hưng
Nguyễn Văn Hào
Nguyễn Trọng Các |
| Định dạng theo hình dạng chữ L và bám các mục tiêu trên mặt nước dựa trên hình ảnh Lidar 3D | 14 | Nguyễn Phương Lâm
Nguyễn Trọng Các |
| Ứng dụng ResNet-50 trong phát hiện lỗi bề mặt chi tiết sản phẩm cơ khí | 19 | Nguyễn Đức Minh
Vũ Thị Lệ Hằng
Đỗ Văn Đĩnh
Phạm Văn Nam |
| Phương pháp phát hiện hư hại vết lõm trên đường ray sử dụng mô hình Yolov8 | 25 | Nguyễn Phương Ty
Lương Thị Thanh Xuân
Nguyễn Thị Tâm
Dương Thị Hoa
Nguyễn Thị Việt Hương
Hà Minh Tuấn |
| Mô hình hóa pin xe điện và so sánh hiệu suất sạc/xả điện cho các loại pin | 31 | Tạ Thị Mai |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|---|----|---|
| Nghiên cứu ảnh hưởng của vận tốc cắt và lượng chạy dao đến độ nhám bề mặt khi phay hợp kim nhôm 7075-T6 | 38 | Mạc Văn Giang |
| Phương pháp ghép nối các tấm thép silicon trong stator của động cơ điện - Phần 2 | 45 | Nguyễn Thanh Tùng
Ngô Hữu Mạnh
Trịnh Văn Cường
Mạc Thị Nguyên |
| Khảo sát một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm trong quá trình dập tạo hình đa điểm | 53 | Trần Hải Đăng
Nguyễn Thị Thu |
| Nghiên cứu ảnh hưởng của động học đến trạng thái ứng suất khi miết ép | 58 | Nguyễn Văn Hình
Nguyễn Đức Hải
Nguyễn Thị Liễu
Nguyễn Hữu Chấn
Dương Thị Hà |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

Nghiên cứu sự thay đổi kích thước của vải dệt kim Rib 1:1 từ sợi cotton, sợi len lông cừu sau quá trình là hơi 62 Nguyễn Thị Hiền
Phạm Thị Kim Phúc

NGÀNH KINH TẾ

Công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương 69 Đinh Thị Kim Thiết

Nghiên cứu giải pháp phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại tỉnh Hải Dương 75 Vũ Thị Hương

Thực trạng ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp Việt Nam 81 Nguyễn Thị Thủy

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp 87 Vũ Thị Lý
Nguyễn Thị Quỳnh

NGÀNH TOÁN HỌC

Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian $L_1(\mathbb{R}_+)$ 94 Nguyễn Kiều Hiền

NGÀNH KHOA HỌC GIÁO DỤC

Thực trạng và định hướng vận dụng một số phương pháp giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sao Đỏ 99 Nguyễn Mạnh Tường
Trần Thị Hồng Nhung

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay 106 Vũ Văn Đông

Tấm gương tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc tự học của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay 112 Nguyễn Mạnh Tường

Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về sở hữu và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay 117 Trần Thị Hồng Nhung
Nguyễn Mạnh Tường

Tư tưởng của Lenin về công đoàn và sự vận dụng ở Việt Nam 123 Vũ Văn Chương
Phạm Văn Dự
Nguyễn Minh Loan

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|---|----|--|
| Research on improving energy efficiency in intelligent reflective surface-assisted wireless communication systems | 5 | Nguyen Do Dung
Dao Minh Hung
Nguyen Van Hao
Nguyen Trong Cac |
| L-shape fitting based object detection and surface water target tracking using 3D Lidar | 14 | Nguyen Phuong Lam
Nguyen Trong Cac |
| Application of Resnet-50 in detecting surface defects of mechanical product details | 19 | Nguyen Duc Minh
Vu Thi Le Hang
Do Van Dinh
Pham Van Nam |
| Squat defect detection method for railway using YOLOv8 model | 25 | Nguyen Phuong Ty
Luong Thi Thanh Xuan
Nguyen Thi Tam
Duong Thi Hoa
Nguyen Thi Viet Huong
Ha Minh Tuan |
| Modeling of electric vehicle battery and performance comparisons on charging/discharging of selected types of battery | 31 | Ta Thi Mai |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|--|----|---|
| Study on the effect of cutting speed and feed rate on surface roughness in milling of aluminum alloy 7075-T6 | 38 | Mac Van Giang |
| Jointing of the silicon sheets steel in stator of the electric motors - Part 2 | 45 | Nguyen Thanh Tung
Ngo Huu Manh
Trinh Van Cuong
Mac Thi Nguyen |
| Research of some factors affecting product quality in incremental forming | 53 | Tran Hai Dang
Nguyen Thi Thu |
| Research on the influence of kinematics on the stress state in smoothing process | 58 | Nguyen Van Hinh
Nguyen Duc Hai
Nguyen Thi Lieu
Nguyen Huu Chan
Duong Thi Ha |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- Research on the dimensional change of 1:1 Rib knitted fabric from cotton and wool yarn after steam ironing proces 62 Nguyen Thi Hien
Pham Thi Kim Phuc

TITLE FOR ECONOMICS

- Tax management for construction enterprises in hai duong province 69 Dinh Thi Kim Thiet
- Research on the development orientation of rural tourism service model in Hai Duong province 75 Vu Thi Huong
- Current status of applying circular economic model in industrial parks in Vietnam 81 Nguyen Thi Thuy
- Application of artificial intelligence (AI) in the field of accounting in Vietnamese enterprises: Current situation and solutions 87 Vu Thi Ly
Nguyen Thi Quynh

NTITLE FOR MATHEMATICS

- Convolution of the Fourier trans form and the Laplace with a weight function in the space $L_1(\mathbb{R}_+)$ 94 Nguyen Kieu Hien

TITLE FOR EDUCATION SCIENCE

- Current situation and orientation of applying teaching methods of Ho Chi Minh Thought subject associated with core values of Sao Do University 99 Nguyen Manh Tuong
Tran Thi Hong Nhung

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- The leadership of the Hai Duong provincial Party Committee on the current work of political and ideological education 106 Vu Van Dong
- Ho Chi Minh's self-study example and the self-study of Sao Do University students today 112 Nguyen Manh Tuong
- The theory of Marxism-Leninism on ownership and its application by the Communist Party of Vietnam today 117 Tran Thi Hong Nhung
Nguyen Manh Tuong
- Lenin's thoughts on trade unions and their application in Vietnam 123 Vu Van Chuong
Pham Van Du
Nguyen Minh Loan

Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về sở hữu và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay

The theory of Marxism-Leninism on ownership and its application by the Communist Party of Vietnam today

Trần Thị Hồng Nhung*, Nguyễn Mạnh Tường

*Tác giả liên hệ: nhungkien1979@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 19/7/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 19/9/2024

Ngày chấp nhận đăng: 30/9/2024

Tóm tắt

Sở hữu tư liệu sản xuất là yếu tố cơ bản cấu thành hệ thống quan hệ sản xuất trong từng chế độ kinh tế-xã hội, điều này đã được C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định và được V.I.Lênin bổ sung, phát triển. Trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa việc nghiên cứu, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là rất quan trọng. Bài viết này phân tích một số vấn đề lý luận về sở hữu, vị trí, vai trò sở hữu tư liệu sản xuất của chủ nghĩa Mác-Lênin, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Sở hữu tư liệu sản xuất; xã hội chủ nghĩa; Mác-Lênin; Đảng Cộng sản Việt Nam.

Abstract

The ownership of the means of production is a fundamental factor that constitutes the system of production relations in each economic-social regime, as affirmed by C. Marx and F.Engels, and further supplemented and developed by V.I.Lenin. In the process of building socialism, the study and application of Marxism-Leninism is very important. This article analyzes some theoretical issues regarding ownership, the position, and the role of ownership of the means of production in Marxism-Leninism, as well as its application by the Communist Party of Vietnam in the current period.

Keywords: Own production documents; socialism; Marx-Lenin; Communist Party of Vietnam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức được vai trò của sở hữu tư liệu sản xuất là một nhân tố cơ bản cấu thành hệ thống quan hệ sản xuất trong từng chế độ kinh tế-xã hội, nên ngay từ khi bắt đầu thực hiện đường lối đổi mới, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã chủ trương thực hiện nhiều hình thức sở hữu, với sự phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Tuy vậy, hiện nay trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ và sâu rộng của nền kinh tế quốc tế, sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thì việc tiếp tục nghiên cứu các vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về sở hữu, vị trí, vai trò sở hữu tư liệu

sản xuất, phát triển các thành phần kinh tế là rất cần thiết. Bởi quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước chuyển từ sở hữu của Nhà nước sang sở hữu của các cổ đông, quá trình chuyển sở hữu tư nhân sang sở hữu công cộng đã và đang diễn ra thường xuyên và phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong khi quá trình chuyển từ sở hữu tư nhân sang sở hữu công cộng còn bộc lộ nhiều bất cập. Thực trạng đó phải được lý giải về mặt lý luận để làm cơ sở cho việc chỉ đạo hoạt động thực tiễn chuyển sở hữu tư nhân sang sở hữu công cộng trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta những năm tiếp theo.

2. NỘI DUNG

2.1. Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về sở hữu tư liệu sản xuất

* Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất của sở hữu tư liệu sản xuất.

Sở hữu luôn đóng vai trò quyết định trong hệ thống quan hệ sản xuất và là một vấn đề luôn được các nhà

Người phản biện: 1. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà
2. TS. Vũ Văn Đông

kinh điển sáng lập chủ nghĩa Mác-Lênin quan tâm đặc biệt. Trong hầu hết các tác phẩm kinh điển tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin từ “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” đến bộ “Tư bản”, “Chính sách kinh tế mới”, “Nhà nước cách mạng”,... khi bàn về cuộc cách mạng XHCN và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH), các ông luôn đặt quan hệ sở hữu lên vị trí hàng đầu và coi đó là vấn đề cơ bản mà mục tiêu và nhiệm vụ của các cuộc cách mạng xã hội phải giải quyết. Những luận điểm chủ yếu về sở hữu tư liệu sản xuất của chủ nghĩa Mác-Lênin có thể khái quát:

Thứ nhất, theo chủ nghĩa Mác-Lênin sở hữu là quan hệ xã hội giữa người với người trong việc chiếm hữu tư liệu sản xuất và của cải do con người tạo ra. C.Mác viết: “*Khoa kinh tế chính trị không nghiên cứu các vật phẩm, mà nghiên cứu mối quan hệ giữa người với người, xét cho đến cùng là giữa giai cấp với giai cấp, nhưng các quan hệ đó bao giờ cũng gắn với các vật phẩm và biểu hiện ra như là những vật phẩm*” [1, tr.615]. Như vậy, có thể hiểu sở hữu chính là phương thức chiếm hữu mang tính xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể đối với những của cải vật chất và tinh thần được sử dụng trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất ấy hoặc để thỏa mãn mọi nhu cầu sinh hoạt của con người.

Thứ hai, sở hữu được coi là điều kiện, giữ vai trò quyết định đến nền sản xuất xã hội, bởi sở hữu sẽ quyết định đến quan hệ tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm trong xã hội, qua đó thúc đẩy quá trình cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và khai thác các yếu tố vật chất khác. Do đó, C.Mác khẳng định: “*Bất cứ nền sản xuất nào cũng đều là việc con người chiếm hữu những vật phẩm của tự nhiên trong phạm vi một hình thái xã hội nhất định và thông qua hình thái đó. Theo ý nghĩa đó, nói rằng sở hữu (sự chiếm hữu) là một điều kiện của sản xuất...*” [2, tr.860].

Như vậy, theo chủ nghĩa Mác-Lênin có thể khẳng định sản xuất xã hội là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người, vì thế sở hữu là vấn đề trọng yếu trong lịch sử nhân loại.

Thứ ba, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định quan hệ sở hữu luôn luôn biến đổi, không có một hình thức sở hữu nào tồn tại vĩnh viễn. Nguyên nhân của sự biến đổi đó là sự phát triển của lực lượng sản xuất mới, đòi hỏi phải có quan hệ sở hữu mới phù hợp. Ph.Ăngghen khẳng định: “*Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới, không còn phù hợp với các quan hệ sở hữu cũ nữa*” [3, tr.467] và quan hệ sở hữu cũng có sự vận động và phát triển liên tục từ thấp đến cao, điều này đã được C.Mác khẳng định: “*Quan hệ sở hữu “cổ đại” đã bị quan hệ sở hữu “phong kiến” tiêu diệt và quan hệ sở hữu phong kiến*

đã bị quan hệ sở hữu “tư bản” tiêu diệt. Như vậy, chính lịch sử đã phê phán những quan hệ sở hữu đã qua” [4, tr.41].

C.Mác cũng phân tích và khẳng định cơ sở khách quan quyết định sự tồn tại của một hình thức sở hữu nhất định nào đó chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất. Sự chiếm hữu đó nhất thiết phải có một tính chất phổ biến, phù hợp với những lực lượng sản xuất.

Thứ tư, sự vận động, phát triển của quan hệ sở hữu là một quá trình lịch sử tự nhiên. Bởi một hình thái kinh tế-xã hội với một hình thức sở hữu thống trị nhất định chỉ mất đi, một hình thái kinh tế-xã hội mới với một hình thức sở hữu thống trị mới ra đời khi và chỉ khi những điều kiện nhất định nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người xuất hiện. Điều này được C.Mác khẳng định: “*Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ*” [1, tr.15-16].

Thứ năm, quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa chuyển biến theo hướng xã hội hóa, quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng. Theo C.Mác: “*chủ nghĩa tư bản trong quá trình sản xuất, theo đuổi giá trị thặng dư đã tạo ra những nhân tố kinh tế mang tính chất quá độ sang phương thức sản xuất mới là các công ty cổ phần và nhà máy hợp tác của công nhân. Những xí nghiệp cổ phần tư bản chủ nghĩa, cũng như nhà máy hợp tác, đều phải được coi là những hình thái quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang phương thức sản xuất tập thể, nhưng chỉ có điểm khác nhau là: trong những xí nghiệp cổ phần tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn được giải quyết một cách tiêu cực, còn trong những nhà máy hợp tác, mâu thuẫn được giải quyết một cách tích cực*” [5, tr.673]. Như vậy, chủ nghĩa tư bản trong quá trình theo đuổi sản xuất giá trị thặng dư đã tạo ra những nhân tố kinh tế tạo điều kiện quá độ từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sang xã hội mới tiến bộ hơn.

Khi nghiên cứu về công ty cổ phần, C.Mác khẳng định: “*chức năng tư bản tách rời với quyền sở hữu tư bản, và Người cho rằng “đó là kết quả của sự phát triển cao nhất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa*” [5, tr.670]. Như vậy, theo C.Mác sự tách rời giữa chức năng tư bản với quyền sở hữu tư bản chính là sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng hay quyền quản lý và quyền kinh doanh. Điều này cũng được C.Mác phân tích rất kỹ khi nghiên cứu về tư bản cho vay và địa tô. Với sự tách rời này cho phép huy động được nguồn vốn to lớn trong xã hội cho sự phát triển sản xuất.

Thứ sáu, xóa bỏ chế độ tư hữu trong thời kỳ quá độ lên CNXH là một quá trình lâu dài. Xóa bỏ chế độ tư hữu đã được Ph.Ăngghen phân tích: “Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Trả lời: Không, không thể được, cũng như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu” [3, tr.469]. Như vậy, theo Ph.Ăngghen việc thủ tiêu chế độ tư hữu chỉ có thể thực hiện một cách dần dần khi giai cấp vô sản đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu.

Khi bàn về cải tạo chế độ tư hữu, Ph.Ăngghen còn khẳng định: *“Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản” [3, tr.615].*

Từ quan điểm trên của Ph.Ăngghen, có thể thấy trong thời kỳ quá độ lên CNXH việc cải tạo chế độ tư hữu không được nôn nóng, việc xóa bỏ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, sử dụng các thành phần kinh tế dựa trên tiền đề sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đang phù hợp với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất đồng thời cần phải khắc phục những hạn chế cũng như việc lợi dụng quyền sở hữu tư liệu sản xuất để bóc lột người lao động làm thuê.

Thứ bảy, trong thời kỳ quá độ lên CNXH tồn tại nhiều hình thức sở hữu. Trong bất kỳ một giai đoạn nào đó của sự phát triển kinh tế-xã hội, bên cạnh một phương thức sản xuất chủ đạo có vai trò thống trị luôn có sự tồn tại những tàn dư của các phương thức sản xuất cũ đồng thời cũng có sự xuất hiện của phương thức sản xuất mầm mống, điều đó khiến cho trong cùng một thời gian, trong một giai đoạn nhất định của một hình thái kinh tế-xã hội có thể cùng tồn tại nhiều hình thức sở hữu. Điều này đã được C.Mác khẳng định: “Chúng ta đau khổ không những vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ. Ngoài những tai họa của thời đại hiện nay tạo ra, chúng ta còn phải chịu đựng cả một loạt những tai họa kế thừa do chỗ các phương thức sản xuất cổ xưa lỗi thời vẫn tiếp tục sống dai dẳng với những quan hệ chính trị và xã hội trái mùa do chúng để ra” [6, tr.19].

Luận điểm này sau đó đã được V.I.Lênin bảo vệ và phát triển, bổ sung khi Ông khẳng định sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu và nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ: *“Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có” [7, tr.362].*

* Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vị trí, vai trò sở hữu tư liệu sản xuất.

- Vị trí, vai trò của sở hữu tư liệu sản xuất trong các cuộc cách mạng xã hội.

Lịch sử các cuộc cách mạng xã hội luôn gắn liền với mục tiêu cải biến hoặc thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Bởi trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội thì giai cấp đó nắm giữ quyền thống trị xã hội. Theo C.Mác: *“Vấn đề sở hữu bao giờ cũng là vấn đề sống còn của giai cấp này hay giai cấp khác - tùy thuộc vào trình độ phát triển của công nghiệp” [3, tr.428].*

Với quan điểm duy vật lịch sử, C.Mác đã chỉ rõ vị trí và vai trò của sở hữu, khi khẳng định chế độ sở hữu là yếu tố cơ bản chi phối các yếu tố khác của đời sống xã hội. Khi chế độ sở hữu thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi mọi yếu tố khác trong cấu trúc xã hội, cuối cùng sẽ làm thay đổi toàn bộ hình thái kinh tế-xã hội. Bởi mỗi một hình thái kinh tế-xã hội có một chế độ sở hữu cơ bản đặc trưng cho hình thái kinh tế-xã hội đó. Từ chế độ sở hữu, trong những quan hệ sở hữu, C.Mác viết: *“Bao giờ chúng ta cũng tìm được cái điều bí ẩn sâu xa nhất, cái nền móng thâm kín của toàn bộ kết cấu xã hội” [8, tr.499].*

C.Mác cũng chỉ ra rằng, giai cấp nào nắm giữ những tư liệu sản xuất chủ yếu thì giai cấp đó nắm quyền tổ chức quản lý sản xuất, nắm quyền phân phối sản phẩm xã hội. Giai cấp nào nắm quyền chi phối lĩnh vực sản xuất các giá trị vật chất thì giai cấp đó cũng nắm quyền chi phối mọi lĩnh vực hoạt động khác của đời sống xã hội và là giai cấp thống trị trong xã hội.

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin các giai đoạn phát triển của xã hội loài người đã và đang trải qua năm phương thức sản xuất, đánh dấu những bước tiến của lịch sử xã hội loài người, tương ứng với các giai đoạn phát triển đó là những hình thái với các chế độ sở hữu khác nhau gồm: sở hữu bộ lạc, sở hữu công xã hay sở hữu nhà nước thời cổ, sở hữu phong kiến hay sở hữu đẳng cấp, sở hữu tư sản, sở hữu xã hội XHCN và sự thay thế chế độ sở hữu này bằng chế độ sở hữu khác là một tất yếu khách quan, là kết quả sự vận động của các quy luật khách quan, trong đó chủ yếu là tác động của quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất.

- Vị trí, vai trò của sở hữu tư liệu sản xuất trong hệ thống các quan hệ sản xuất.

Thứ nhất, sở hữu tư liệu sản xuất là cơ sở của các quan hệ tổ chức quản lý và phân phối.

Trong một xã hội nhất định, giai cấp nào nắm quyền sở hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu thì giai cấp đó nắm quyền chi phối việc tổ chức quản lý sản xuất và phân phối kết quả sản xuất, quyết định hình thức thực

hiện lợi ích kinh tế. Ngược lại, những giai cấp không nắm được quyền quyết định về những tư liệu sản xuất chủ yếu sẽ bị phụ thuộc, do đó mọi hoạt động sản xuất và kết quả của lao động do họ tạo ra chỉ nhằm phục vụ trước hết cho lợi ích của giai cấp thống trị.

Khi quyền sở hữu tách rời quyền sử dụng tư liệu sản xuất thì mâu thuẫn giữa chủ sở hữu tư liệu sản xuất với người lao động sử dụng tư liệu sản xuất xuất hiện. Khi quan hệ phân phối, tức là vấn đề lợi ích kinh tế không phù hợp, các bên có liên quan trong hệ thống quan hệ sản xuất mới nhận thức đúng về quan hệ sở hữu và quan hệ tổ chức quản lý sản xuất. Như vậy, quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất là cơ sở quyết định vai trò cũng như việc thực hiện lợi ích kinh tế của các giai cấp trong xã hội. Nói cách khác, lợi ích phản ánh bản chất bên trong của quan hệ sản xuất.

Trong quan hệ sản xuất, thì quan hệ sở hữu có vai trò quyết định đối với quan hệ phân phối và tổ chức quản lý. Tuy nhiên, đến lượt nó lại tác động trở lại đối với quan hệ sở hữu. Nếu quan hệ tổ chức quản lý thích hợp, giải quyết hài hòa vấn đề lợi ích kinh tế thì nó duy trì sự tồn tại và thúc đẩy sự phát triển của quan hệ sở hữu. Trái lại, nó sẽ kìm hãm, thậm chí phá vỡ quan hệ sở hữu. Lịch sử đã chứng minh, nhờ cải cách trong quản lý tổ chức sản xuất và điều hòa vấn đề lợi ích giữa chủ sở hữu tư bản với người lao động mà xã hội tư bản vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển.

Thứ hai, sở hữu tư liệu sản xuất là cơ sở của chế độ chính trị-xã hội.

Theo học thuyết hình thái kinh tế-xã hội, các chế độ xã hội khác nhau là bởi các quan hệ sản xuất, trong đó các quan hệ sở hữu và phương thức kết hợp các yếu tố sản xuất để thực hiện các lợi ích kinh tế khác nhau. Quan hệ sở hữu là cơ sở để phân định bản chất chế độ xã hội, là cơ sở phân chia các giai đoạn lịch sử khác nhau của các giai đoạn lịch sử xã hội. Sự biến đổi của quan hệ sở hữu là động lực bên trong thúc đẩy sự thay đổi một hệ thống kinh tế-chính trị-xã hội. Bởi theo V.I.Lênin: Chính trị chẳng qua là sự biểu hiện tập trung của kinh tế, do kinh tế và vì kinh tế. Cho nên chế độ chính trị thực chất là một hệ thống thiết chế nhằm bảo vệ chế độ sở hữu để thực hiện lợi ích kinh tế quyền sở hữu. Do vậy, sự biến đổi của cơ sở kinh tế, của chế độ sở hữu sẽ kéo theo sự biến đổi của chế độ chính trị với tư cách là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng.

Bởi vậy, C.Mác đã đưa ra dự báo khoa học về tính tất yếu của cách mạng vô sản và sự ra đời của xã hội cộng sản văn minh, C.Mác viết: “*Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*” [3, tr.628].

Như vậy, chế độ sở hữu và chế độ chính trị là những

thành phần cốt lõi nhất của một chế độ xã hội. Chế độ chính trị là một phạm trù lịch sử, nó biến động cùng với sự biến động của cơ sở kinh tế, của chế độ sở hữu. Quan hệ sở hữu lại phụ thuộc vào lực lượng sản xuất ở một trình độ phát triển nhất định. Thực chất quan hệ giữa chế độ sở hữu và chế độ chính trị là sự phản ánh mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong đời sống xã hội hiện thực. Do vậy, để xác định đúng mối quan hệ giữa sở hữu và chính trị chúng ta phải căn cứ vào đời sống hiện thực của xã hội. Chế độ sở hữu và chế độ chính trị có mối quan hệ biện chứng.

2.2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về sở hữu tư liệu sản xuất

Để hoàn thiện thể chế về sở hữu qua đó hoàn thiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Đại hội lần thứ X của Đảng đã khẳng định: “*Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu... Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: Kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ thể, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*” [9, tr.77, 83].

Tiếp tục bổ sung và cụ thể hóa nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó nhấn mạnh nhận thức về hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tiễn. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta đã khẳng định: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*” [10, tr.70]. Đồng thời xác định nhiều hình thức sở hữu: “*với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối*” [10, tr.73], đồng thời xác nhận xu hướng: “*Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển*” [10, tr.74].

Đến Đại hội XII Đảng ta tiếp bổ sung, làm rõ hơn về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là: “*Nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*” [11, tr.102].

Đồng thời Đại hội cũng khẳng định: “*Nền kinh tế thị*

trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật” [11, tr.102-103].

Từ đó, Đại hội cũng xác định nhiệm vụ nhằm hoàn thiện thể chế sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế: “*Thể chế hóa quyền tài sản (bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ sử dụng tài sản) của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính Nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt. Bảo đảm quyền quản lý, thu lợi của Nhà nước đối với tài sản công và quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng tài sản công của mọi chủ thể trong nền kinh tế. Nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản*” [11, tr.104-105].

Tiếp tục phát triển tư duy về xây dựng quan hệ sở hữu trong quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đến Đại hội XIII trong bối cảnh mới cả trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi và khó khăn, Đảng ta đã nhấn mạnh: “*Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu*” [12, tr.128-129].

Đại hội XIII cũng xác định rõ vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế, trong đó nhấn mạnh vai trò của kinh tế Nhà nước trong hoàn thiện quan hệ sở hữu và hoàn thiện quan hệ sở hữu cũng như phát triển quan hệ hợp tác giữa các thành phần kinh tế nhằm phát triển, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất, Đại hội nhấn mạnh: “*Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản*” [12, tr.130] và “*Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp tác xã... khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham*

gia rộng rãi của các chủ thể, nhất là người lao động” [12, tr.130], đồng thời khẳng định: “*Bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh, thực thi hợp đồng của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật*” [12, tr.223].

Để hoàn thiện quan hệ sở hữu trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thuận lợi cũng như khó khăn, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang có những phát triển mạnh mẽ, Đảng ta đã đưa ra chủ trương: “*Cải cách thể chế về quyền tài sản, tập trung vào các khâu đăng ký sở hữu và sử dụng tài sản, xử lý tài sản thế chấp ngân hàng, thủ tục phá sản. Hoàn thiện pháp luật để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo đảm công khai, minh bạch và khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới các chính sách quản lý đất đai để khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất. Đổi mới và thực hiện chế độ quản lý mục đích sử dụng đất nông nghiệp một cách linh hoạt hơn; bãi bỏ các giới hạn về đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, tăng thời hạn giao đất, cho thuê đất nông nghiệp. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp Nhà nước*” [12, tr.238].

Như vậy, có thể khẳng định Đảng ta đã vận dụng một cách linh hoạt lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ sở hữu vào quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta trong từng thời điểm cụ thể. Trong đó, sự tồn tại, phát triển của nhiều chế độ sở hữu, nhiều thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan. Các thành phần kinh tế đều có những vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Cùng với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã định hướng, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể, tạo hành lang pháp lý cho các chủ thể khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hướng đến xây dựng đất nước ngày càng phát triển theo định hướng XHCN.

3. KẾT LUẬN

Quan hệ về sở hữu có vị trí đặc biệt quan trọng trong học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin. Việc nhận thức và vận dụng lý luận về sở hữu vào thực tiễn xây dựng đất nước đã được Đảng ta vận dụng một cách khoa học, linh hoạt.

Đặc biệt trong giai đoạn đổi mới hiện nay, việc nghiên cứu vấn đề sở hữu và vận dụng vào công cuộc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm, nên bước đầu đã thu được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, một mặt do sở hữu là một vấn đề phức

tạp, trên phương diện lý luận, nhiều lĩnh vực vẫn chưa được làm sáng rõ. Mặt khác, thực tiễn quá trình biến đổi sở hữu vẫn còn những hạn chế trong thời gian vừa qua đã và đang đặt ra những vấn đề mới đòi hỏi Đảng cần phải nghiên cứu làm rõ hơn nữa, từ đó sẽ có sự vận dụng một cách đầy đủ và phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 16, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 25, phần I, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 36, NXB Tiến bộ, Mátxcova.
- [8]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 25, phần II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

AUTHORS INFORMATION

Tran Thi Hong Nhung, Nguyen Manh Tuong

* Corresponding Author: nhungkien1979@gmail.com

Sao Do University.

THỂ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 3 (86)
2024



Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.